

Giáo án Tiếng việt 4 - Tuần 34

Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ Lạc quan - Yêu đời

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

Biết thêm một số từ phức chứa tiếng vui và phân loại chúng theo 4 nhóm nghĩa.

2. Kỹ năng:

Biết đặt câu với từ ngữ nói về chủ điểm lạc quan, yêu đời (BT2, BT3).

3. Thái độ:

HS yêu thích môn học.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng nhóm, phiếu học tập.

III. Các hoạt động dạy học:

Tg	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
3'	A. Kiểm tra:	- Trạng ngữ chỉ mục đích có tác dụng gì? Trạng ngữ chỉ mục đích trả lời cho câu hỏi gì? - Lấy ví dụ. - GV nhận xét.	- 2 HS lên bảng thực hiện yêu cầu - HS nghe.
32'	B. Bài mới: 1. Giới thiệu bài: 2. Giảng bài	- GV giới thiệu bài.	- HS nghe.

	*Bài 1: - Biết thêm một số từ phức chứa tiếng vui và phân loại chúng theo 4 nhóm nghĩa. *Bài 2:	- Đọc nội dung bài 1. - GV hướng dẫn HS làm phép thử để biết một từ phức đã cho chỉ hoạt động, cảm giác hay tính tình. a) Từ chỉ hoạt động trả lời cho câu hỏi làm gì? b) Từ chỉ cảm giác trả lời cho câu hỏi cảm thấy thế nào? c) Từ chỉ tính tình trả lời cho câu hỏi là người thế nào? d) Từ vừa chỉ cảm giác vừa chỉ tính tình có thể trả lời đồng thời 2 câu hỏi cảm thấy thế nào? là người thế nào? - GV phát bảng nhóm cho HS thảo luận nhóm 4. Xếp các từ đã cho vào bảng phân loại.	-2 HS đọc nội dung bài 1. - Bọn trẻ đang làm gì?- Bọn trẻ đang vui chơi ngoài vườn. - Em cảm thấy thế nào?- Em cảm thấy rất vui thích. - Chú Ba là người thế nào? - Chú Ba là người vui tính - Các nhóm thảo luận, đại diện nhóm trình bày. +Từ chỉ hoạt động: <i>vui chơi, góp vui, mua vui.</i> +Từ chỉ cảm giác: <i>vui thích , vui mừng, vui sướng, vui lòng, vui thú, vui vui.</i> +Từ chỉ tính tình: <i>vui tính, vui nhộn, vui tươi.</i> +Từ vừa chỉ cảm giác vừa
--	--	---	---

5'	Biết đặt câu với từ ngữ nói về ch ử điểm lạc quan, yêu đời *Bài 3: C. củng cố Dặn dò:	- GV nhận xét chốt lại lời giải đúng.. - Đọc yêu cầu bài 2. - Yêu cầu HS tự đặt câu, gọi một số HS nêu câu mình đặt trước lớp. - GV nhận xét. - Đọc yêu cầu bài 3. - GV nhắc HS chỉ tìm những từ miêu tả tiếng cười(không tìm các từ miêu tả nụ cười)- Cho HS trao đổi với bạn để tìm được nhiều từ. Gọi HS phát biểu, GV ghi nhanh lên bảng những từ ngữ đúng, bổ sung thêm những từ ngữ mới. - GV nhận xét. - Tổng kết toàn bài. - Liên hệ thực tế. - Về ôn lại bài và chuẩn bị bài sau <i>Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu</i>	chỉ tính tình: <i>vui vẻ</i>. - 2 HS đọc. - HS tự đặt câu, gọi một số HS nêu câu mình đặt trước lớp. + Lan là một người vui tính. - 2 HS đọc yêu cầu bài 3. - HS trao đổi với bạn để tìm được nhiều từ. - HS nối tiếp phát biểu, mỗi HS nêu một từ đồng thời đặt một câu. + Từ ngữ miêu tả tiếng cười: <i>Cười ha hả, hi hí, hơ hơ, khanh khách, sằng sặc, sặc sụa, khúc khích,</i> - HS nghe. - HS nghe.
-----------	--	--	---

Tham khảo các bài soạn Tiếng Việt 4
<https://vndoc.com/giao-an-dien-tu-lop-4>